



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM | VIETNAM NATIONAL OIL AND GAS GROUP

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



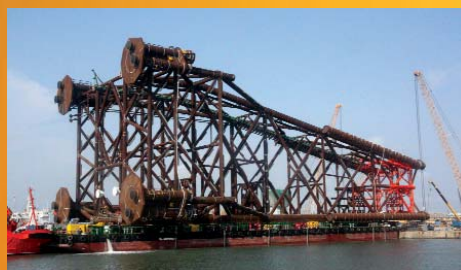
LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN [3]

GIỚI THIỆU [4 -6]

LĨNH VỰC KINH DOANH [7]

BÁO CÁO TỔNG KẾT SXKD 2012  
VÀ KẾ HOẠCH 2013 [8 -13]

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN [14 -77]





## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

**08/1983**

Chủ tịch HĐBT cho phép Tổng cục Dầu khí thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

**14/09/1983**

Tổng cục Dầu khí đã quyết định thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

**19/09/1995**

Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.

**17/03/2005**

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thành Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

**26/10/2007**

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thông qua Đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

**21/11/2007**

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

**27/6/2008**

Đại hội cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.

**16/5/2009**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Chiến lược phát triển đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

**19/8/2009**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện Niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**20/01/2010**

Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

**7/1/2011**

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động theo Quyết định số 15/QĐ-CTN ngày 07 tháng 01 năm 2011 do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết ký.

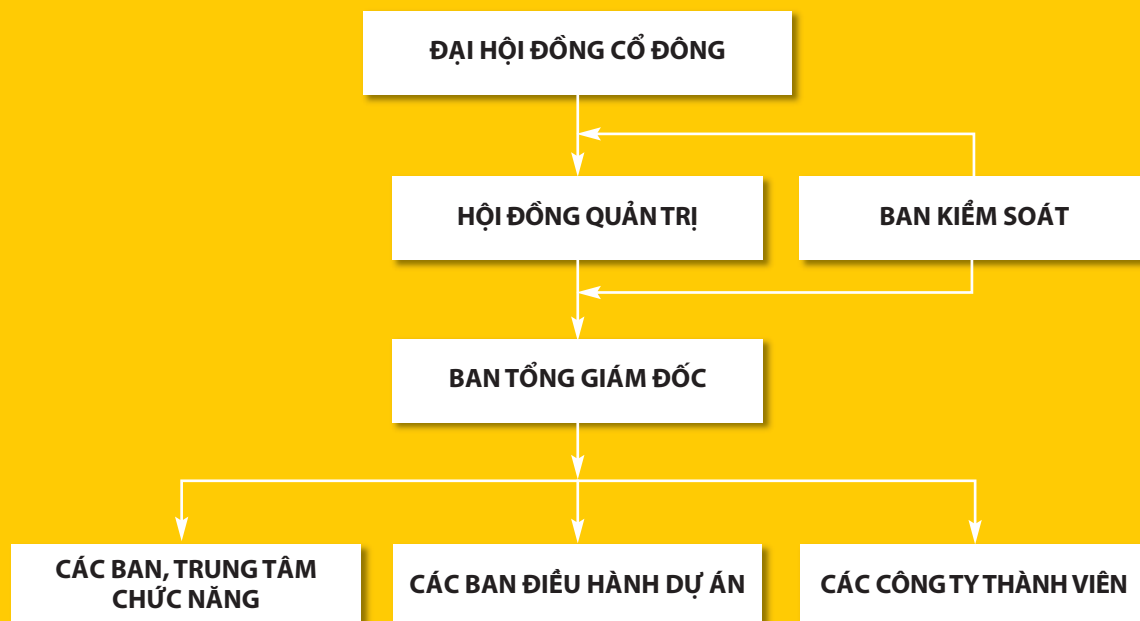
**23/3/2012**

Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tăng vốn điều lệ thành công lên 4.000 tỷ đồng.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVC)

<b>Trụ sở chính:</b>	Tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	(84) 4 3768 9291 / 3 / 4 / 5
<b>Fax:</b>	(84) 4 3768 9290 / 3768 9867
<b>Email:</b>	info@pvc.vn
<b>Website:</b>	www.pvc.vn
<b>Văn phòng phía Nam:</b>	Tầng 6, tòa nhà Media, 11Bis, Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Q.3, TP. HCM
<b>Điện thoại :</b>	(84) 8 5422 1015
<b>Fax :</b>	(84) 8 5422 1515
<b>Mã cổ phiếu:</b>	PVX
<b>Lĩnh vực kinh doanh:</b>	Xây lắp chuyên ngành dầu khí; Xây dựng công nghiệp; Xây dựng dân dụng; Xây dựng khu công nghiệp; Đầu tư tài chính
<b>Vốn điều lệ năm 2012:</b>	4.000 tỷ
<b>Số lượng cán bộ công nhân viên:</b>	6.028 (cập nhật 31/12/2012)

## MÔ HÌNH TỔ CHỨC





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ông TRỊNH XUÂN THANH**  
Chủ tịch HĐQT  
(Chairman)

● **Ông NGUYỄN NGỌC QUÝ**

Phó Chủ tịch HĐQT  
(Vice Chairman)

● **Ông NGUYỄN HUY HÒA**

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

● **Ông TRẦN MINH NGỌC**

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

● **Bà NGUYỄN VIỆT ANH**

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Ông TRẦN MINH NGỌC**  
Tổng giám đốc  
(General Director-CEO)

● **Ông BÙI TIẾN THÀNH**

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

● **Ông NGUYỄN ANH MINH**

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

● **Ông NGUYỄN DUYÊN HẢI**

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

● **Ông NGUYỄN TRUNG TRÍ**

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

● **Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG**

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

● **Ông BÙI NGỌC HƯNG**

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

## BAN KIỂM SOÁT

● **Bà NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát

● **Ông HỮU XUÂN NAM**

Ủy viên Ban Kiểm soát

● **Bà NGUYỄN HỒNG ANH**

Ủy viên Ban Kiểm soát

● **Ông VŨ HỮU NGHỊ**

Ủy viên Ban Kiểm soát

● **Bà TRẦN THỊ TRANG**

Ủy viên Ban Kiểm soát

## CÁC BAN, TRUNG TÂM CHỨC NĂNG - BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

### CÁC BAN CHỨC NĂNG & TRUNG TÂM (Functional Departments and Centers)

- 1 Văn phòng (Office - Administration Department)
- 2 Cơ quan thường trực PVC phía Nam (Southern Permanent Agency)
- 3 Ban Tổ chức Nhân sự (Personnel Organization Department)
- 4 Ban Tài chính Kế toán (Finance and Accounting Department)
- 5 Ban Kỹ thuật An toàn (Technique and Safety Department)
- 6 Ban Thương mại (Commercial Department)
- 7 Ban Kế hoạch (Planning Department)
- 8 Ban Kinh tế Đấu thầu (Economics and Bidding Department)
- 9 Ban Đầu tư và Dự án (Investment and Project Department)
- 10 Ban Kiểm toán nội bộ (Internal Auditing Department)
- 11 Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Ứng dụng Kỹ thuật PVC  
(PVC Technical Design and Application Consulting Center)

### CÁC BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN (Project Management Units)

- 1 BĐH Dự án Nhà máy sản xuất Ethanol
- 2 BĐH các Dự án của PVC tại phía Nam
- 3 BĐH Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
- 4 BĐH Dự án Vũng Áng - Quảng Trạch
- 5 BĐH Dự án Nhà máy Xơ sợi tổng hợp Polyester
- 6 BQL Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp



## LĨNH VỰC KINH DOANH

### A. Xây lắp chuyên ngành Dầu khí

- Xây dựng nhà máy lọc hóa dầu
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt hệ thống đường ống dẫn dầu, khí.
- Thiết kế, thi công, sửa chữa giàn khoan, chân đế, bồn bể.
- Sản xuất & lắp đặt các phụ kiện khoan khai thác dầu khí.
- Đóng tàu & kinh doanh các thiết bị ngành dầu khí.

### B. Xây dựng công nghiệp

- Tổng thầu EPC xây dựng nhà máy nhiệt điện, khí điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện lên đến 35KV.
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, vật liệu xây dựng. Thiết kế và tổng thầu EPC các dự án hạ tầng giao thông thủy lợi.
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa cho các công trình công nghiệp...

### C. Xây dựng dân dụng

- Đầu tư, tư vấn, thiết kế các công trình dân dụng.
- Tổng thầu EPC các dự án xây dựng văn phòng, khách sạn và chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng và siêu cao tầng.

### D. Đầu tư xây dựng khu Công nghiệp

- Xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị mới.
- Thi công san lấp mặt bằng, đường xá.
- Xây dựng nhà máy xi măng, trạm trộn bê tông và sản xuất vật liệu xây dựng.

### E. Đầu tư tài chính

- Đầu tư góp vốn vào các công ty thành viên.
- Khai thác nguồn tài chính bên ngoài, liên doanh, liên kết và phát hành cổ phiếu.
- Liên doanh với đối tác nước ngoài để hợp tác đầu tư các dự án có vốn đầu tư lớn.

[www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013

## 2012 - NĂM BẢN LỀ TĂNG TỐC VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mặc dù số liệu lợi nhuận của toàn Tổng công ty còn tiếp tục tiềm ẩn lỗ (do chưa bao gồm các khoản rủi ro khó có khả năng thu hồi như: khoản thu do Tổng công ty đứng ra bảo lãnh và trả thay các đơn vị, các khoản công nợ khó đòi của các đơn vị nợ Tổng công ty, các khoản lỗ tại các đơn vị thành viên chưa thể hiện hết trong báo cáo sản xuất kinh doanh...) nhưng năm 2012 được đánh giá bản lề cho những bứt phá và phát triển bền vững của Tổng Công ty PVC.

### TẬP TRUNG THI CÔNG XÂY LẬP CHUYÊN NGÀNH

Trong năm 2012, PVC đã hoàn thành và bàn giao các công trình khối thượng tầng giàn đầu Giếng H4 Tê Giác Trắng, Nhà máy hóa phẩm Dầu khí Cái Mép, dự án Gấu Trắng, Nhà làm việc Xí nghiệp khoan và sửa giếng, nâng cấp trung tu tôn tạo Khu tưởng niệm Bác Hồ (Cà Mau), Trạm y tế xã Quảng Thái (Thanh Hóa). Đồng thời, khởi công một số công trình như: Giàn Mèo Trắng, Chân đế E1A mở Rạng Đông, công trình đường tránh ngập lòng hồ Thủy điện Đắkrinh (Kon Tum), Cải hoán tàu cầu Trường Sa thành tàu rải ống sử dụng hệ thống DP2, dự án Thăng Long – Đông Đô tại cảng Vietsopetro, Trung tâm giáo dục học tập cộng đồng xã Phú An (Bình Dương), Chung cư cho người thu nhập thấp tại huyện Côn Đảo.

Công tác xây lắp của Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong năm 2012 chủ yếu tập trung vào các công trình chuyển tiếp từ năm 2011 như Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Kho lạnh LPG Thị Vải và 1 số công trình nhỏ khác. Một số dự án trọng điểm khác bị dừng, gián tiến độ hoặc vướng mắc trong thủ tục nên chưa triển khai được như: NM Nhiệt điện Long Phú, NM Nhiệt điện Quảng Trạch, Khu liên hiệp lọc hóa dầu Nghi Sơn...

Trừ PVC-MS và PVC-IC có thể tự thu xếp nguồn việc mới từ các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn thì hầu hết các đơn vị thành viên phải phụ thuộc vào nguồn việc chính từ Tổng công ty. Sản lượng và doanh thu năm 2012 của các đơn vị tập trung ở các công trình chuyển tiếp từ năm 2011 như: Kho lạnh LPG Thị Vải (PVC-PT), Nhà máy hóa phẩm dầu

khí tại KCN Cái Mép (PVC-PT), Kho cảng Cái Răng–Cần Thơ (PVC-Mekong), NM Nhiệt điện Vũng Áng (PVC-ME và PVC-MT) và 1 số công trình nhỏ khác.

Do không có nguồn việc mới nên sản lượng, doanh thu của Tổng công ty giảm nghiêm trọng, trong khi đó khối lượng dở dang và công nợ rất lớn. Tính đến 31/12/2012, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang toàn Tổng công ty là 3.210 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ là 356,6 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các công trình NM Nhiệt điện Vũng Áng, NM Nhiên liệu sinh học Ethanol Phú Thọ, Kho LPG lạnh Thị Vải.

### CHỌN LỌC VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

Trong năm 2012, Công ty mẹ – Tổng công ty trực tiếp triển khai 3 dự án chính: Dự án Khu công nghiệp Soài Rạp – Tiền Giang, dự án Trung tâm kỹ thuật đa ngành và dự án Tháp Dầu khí, tuy nhiên cả 3 dự án đều đang trong giai đoạn chuẩn bị các thủ tục và kêu gọi đối tác hợp tác đầu tư.

Tại các đơn vị thành viên, do khó khăn trong công tác thu xếp vốn nên các đơn vị cũng đã dừng, gián tiến độ các dự án chưa triển khai hoặc chưa thu xếp được vốn, một số đơn vị tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án sắp hoàn thành để bàn giao cho khách hàng và thu hồi vốn. Tuy nhiên, do thị trường bất động sản đóng băng cũng như chính sách thắt chặt tín dụng của Nhà nước nên một số đơn vị kinh doanh bất động sản của PVC hiện rơi vào tình trạng hết sức khó khăn, nhiều dự án đã triển khai và giải





ngân vốn nhưng không bán được hàng theo kế hoạch tiến độ như: Dự án trụ sở PVFC tại Hải Phòng, dự án Khu đô thị sinh thái Lương Sơn (PVC-Đông Đô), dự án Petrolandmark (PVC-Land), dự án Sân golf Nha Trang, Sàn thương mại Trung tâm TCDK Phú Mỹ Hưng (Petroland)... Các đơn vị xây lắp khác có đầu tư bất động sản cũng khó khăn tương tự, công tác thu xếp vốn với các Ngân hàng và công tác kiểm soát chi phí trong quá trình thi công chưa tốt, dự án thi công chậm tiến độ và phát sinh chi phí dẫn đến thu hồi vốn chậm nên không có vốn lưu động để triển khai.

Một số dự án mà PVC nhận chuyển nhượng từ Tập đoàn và các Tổng công ty khác trong ngành như các dự án của Công ty CP Đầu tư Phú Đạt, Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9, Công ty CP Xi măng Hạ Long; Công ty CP Đầu tư Hải Đăng; Khách sạn Lam Kinh; Khách sạn Dầu khí Thái Bình đều đang gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, dự án đình trệ, tiến bán hàng thu hồi chậm, thậm chí kinh doanh thường xuyên lỗ vượt kế hoạch (Công ty Xi măng Hạ Long) làm ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và tình hình sản xuất kinh doanh của PVC và các đơn vị thành viên cũng như quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của PVC.

### **ĐẨY MẠNH TIẾP THỊ ĐẦU THẦU, LÀNH MẠNH HÓA CÔNG TÁC TÀI CHÍNH**

Tổng giá trị hợp đồng ký được trong năm 2012 toàn Tổng công ty là 3.153,5 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ đạt 413,7 tỷ đồng, PVC-IC đạt 1.907,9 tỷ đồng, PVC-MS ký được 356,9 tỷ đồng, PVC-MT: 114,5 tỷ đồng, PVC-PT: 133,9 tỷ đồng...). Ngoài ra, việc đấu thầu của PVC cũng gặp khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế, các dự án bị dừng giãn rất nhiều, các doanh nghiệp xây lắp khác trên toàn quốc đều mong muốn tìm kiếm việc làm để duy trì hoạt động của doanh nghiệp, do đó nhiều doanh nghiệp khi đấu thầu đã bỏ thầu rất thấp, thậm chí lỗ để có công việc.

Quá trình đàm phán, ký kết một số hợp đồng kinh tế gặp vướng mắc về giá, thủ tục nghiệm thu, thanh toán, khối lượng, giá trị phát sinh lớn... đều đang được PVC tập trung giải quyết với các Chủ đầu tư. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, một số hợp đồng thiếu sự giám sát chặt chẽ dẫn đến tình trạng nhà thầu phụ không đủ năng lực triển khai hoặc mất cân đối nguồn tiền thi công gây chậm tiến độ, ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị.

Năm 2012, PVC đã thực hiện thành công phương án tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng. Về hoạt động đầu tư tài chính, tính đến thời điểm 31/12/2012, tổng số vốn góp của PVC vào các doanh nghiệp khác là 3.370,63 tỷ đồng (góp vào các

công ty cổ phần chi phối là 2.490,97 tỷ đồng, các công ty liên kết là 332,69 tỷ đồng, góp vào các đơn vị khác 546,97 tỷ đồng). Hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay chưa cao do hiệu quả SXKD của các đơn vị đạt thấp.

Năm qua, Tổng công ty cũng tập trung triển khai, đơn đốc công tác thu hồi vốn và công nợ. Trực tiếp Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty đã kiểm điểm từng đơn vị, từng công trình trọng điểm hoặc công trình có vướng mắc trong công tác nghiệm thu thanh toán như: Phần san lấp Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Nhà máy điện Nhơn Trạch II, Nhà máy xử sọt tổng hợp PVTex, Nhà máy ống thép dầu khí PVPipe... Tuy nhiên, công tác thu hồi công nợ chưa đạt kết quả tốt.

Trong năm 2012, PVC đã thực hiện công tác thu xếp vốn phục vụ Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và vốn lưu động phục vụ thi công các công trình trọng điểm. Tuy nhiên, do gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết phát sinh và nghiệm thu khối lượng dở dang và thiếu kiểm soát chặt chẽ trong công tác tài chính nên nguồn tiền để phục vụ thi công xây lắp cũng thiếu hụt làm cho mất cân đối dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD.

Việc thu xếp vốn đầu tư các dự án của Tổng công ty và đơn vị phụ thuộc vào nguồn vay ngắn và trung hạn của Tập đoàn và các tổ chức tín dụng quá lớn, trong khi các dự án đều là dự án đầu tư dài hạn. Đặc biệt là các khoản đầu tư do nhận chuyển nhượng từ các đơn vị của Tập đoàn và sử dụng nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn (1.193 tỷ đồng) như: các dự án của Công ty CP Hải Đăng – Nha Trang, Công ty CP Phú Đạt, Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang, dự án Khách sạn Thái Bình, dự án Khách sạn Lam Kinh, dự án Bạc Liêu Tower. Các dự án này đều là dự án đầu tư dài hạn, thời gian thực hiện dự án từ khi khởi công đến khi đưa vào khai thác khoảng 5 năm và khả năng khai thác kinh doanh trong những năm đầu khó có thể đạt công suất 100% như dự kiến. Nguồn trả nợ chính là lợi nhuận được chia của các Công ty cổ phần, các dự án theo tỷ lệ hoặc phải thoái vốn, tuy nhiên với bối cảnh thị trường bất động sản hiện nay thì PVC không có khả năng thu xếp nguồn trả nợ. Vì vậy, PVC và các công ty con hiện phải chịu ảnh hưởng nặng nề về chi phí lãi vay, mất cân đối tài chính và hiệu quả đầu tư các dự án này.

Công tác kế toán và thuế luôn được thực hiện nghiêm túc và theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Định kỳ hoàn thành báo cáo tài chính Công ty mẹ, hợp nhất và thực hiện công bố thông tin đúng thời gian quy định. Kê khai thuế GTGT, TNCN hàng tháng, thuế TNDN hàng quý...

## KIỆN TOÀN NHÂN SỰ, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

Năm 2012, PVC tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức Công ty mẹ – Công ty con và bộ máy điều hành Công ty mẹ, tổ chức lại các Ban chuyên môn/Trung tâm, các Ban điều hành theo nhu cầu quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Hiện nay, khối cơ quan Tổng công ty có 09 Ban chức năng, 01 Trung tâm và 06 Ban điều hành/Ban quản lý dự án. Tổng công ty đang tiếp tục chỉ đạo thực hiện phương án định biên, rà soát lại đội ngũ cán bộ, nhân viên khối cơ quan và các Ban điều hành. Trong giai đoạn tới, PVC tiếp tục hoàn thiện phương án "Tái cấu trúc doanh nghiệp giai đoạn 2012-2015" theo định hướng, chỉ đạo của Tập đoàn. Dự kiến từ nay đến 2015, PVC sẽ thoái vốn ở các công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính không thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ, hoặc các công ty hoạt động không hiệu quả theo lộ trình phù hợp.

Tính đến 31/12/2012, tổng số CBCNV toàn Tổng công ty là 6.028 người trong đó: Tiến sỹ: 05, Thạc sỹ: 117, Kỹ sư/cử nhân: 2.451, Cao đẳng, Trung cấp: 617, Công nhân kỹ thuật: 2.612, Lao động phổ thông: 226. Thu nhập bình quân của năm 2012 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 5,98 triệu đồng/ người/ tháng. Trong năm 2012, toàn Tổng công ty đã có 6.070 lượt cán bộ, công nhân viên và người lao động được cử đi đào tạo (đạt 67,5% kế hoạch năm), kinh phí thực hiện là 12,36 tỷ đồng (đạt 51,5% kế hoạch).

## NHỮNG TỒN TẠI CHÍNH

- Công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là quản lý tài chính kế toán, cân đối dòng tiền và dự báo rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh của PVC và các đơn vị còn yếu dẫn đến tình trạng khó khăn như tình hình hiện nay.

- Tiến độ thi công các công trình trọng điểm chậm so với kế hoạch đề ra như dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Kho LPG lạnh Thị Vải, thậm chí có dự án đã phải tạm dừng triển khai do vướng mắc trong giải quyết phát sinh như dự án Ethanol Phú Thọ...

- Năng lực kiểm soát thiết kế, năng lực triển khai công tác mua sắm thiết bị của Tổng công ty tại các công trình, dự án lớn, đặc biệt là các dự án được thực hiện theo hình thức tổng thầu vẫn còn yếu dẫn đến phát sinh lớn tại các công trình.

- Công tác hợp đồng kinh tế chưa đạt yêu cầu về đảm bảo hiệu quả kinh tế và tránh đến mức tối đa các rủi ro trong thực hiện hợp đồng cho Tổng công ty. Trong quan hệ hợp đồng với các nhà thầu phụ và các đối tác chưa thực sự chặt chẽ, tình trạng tạm ứng, thanh toán vượt quá quy định hợp đồng dẫn đến công nợ phải thu của Công ty mẹ rất lớn, gây mất cân đối dòng tiền.

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ hoàn thành
1	G giá trị SXKD	15,500.0	5,200.00	33.5%
	- Công ty mẹ	8,000.0	2,164.65	27.1%
2	Doanh thu	12,500.0	4,610.17	36.9%
	- Công ty mẹ	6,500.0	1,525.90	23.5%
3	Vốn điều lệ	4,000.0	4,000.0	100.0%
4	Lợi nhuận trước thuế	1,258.0	(1,823.86)	
	- Công ty mẹ	698.0	(1,368.60)	
5	Lợi nhuận sau thuế	1,015.0	(1,847.33)	
	- Công ty mẹ	548.0	(1,368.94)	
6	Nợ Ngân sách Nhà nước	636.0	407.53	64.1%
	- Công ty mẹ	242.0	31.05	12.8%



## 2013 - NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

**Đứng trước những khó khăn thách thức và những cơ hội phát triển, năm 2013, Tổng Công ty PVC đã đặt ra những nhiệm vụ trọng tâm cụ thể để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, từng bước đưa Tổng Công ty thoát khỏi khó khăn, tạo đà đi lên, hướng đến sự phát triển bền vững.**

### 10 MỤC TIÊU CHÍNH NĂM 2013

**1.** Chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công... triển khai các công trình/dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu như: dự án nhiệt điện Vũng Áng 1, dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Trung tâm nhiệt điện Long Phú 1...

**2.** Hoàn thành và bàn giao các dự án LPG Lạnh Thị Vải, dự án Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1...

**3.** Triển khai công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty theo định hướng của Tập đoàn, tập trung vào lĩnh vực ngành nghề hoạt động chính. Thực hiện tái cấu trúc, tổ chức lại công ty Mẹ (một phần hoặc toàn bộ) trực tiếp sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

**4.** Tập trung củng cố công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Tổng công ty. Tập trung công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn. Quan tâm chú trọng công tác thu xếp, cân đối vốn đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD.

**5.** Tăng cường việc thực hiện và giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật.

**6.** Rà soát, sắp xếp và tổ chức lại bộ máy nhân sự toàn Tổng Công ty. Tuyển dụng, thu hút cán bộ có năng lực, kinh nghiệm chuyên môn phù hợp. Quyết liệt thực hiện công tác định biên, bố trí và phân công công việc phù hợp với năng lực, trình độ quản lý và chuyên môn.

**7.** Tăng cường công tác tiếp thị đầu thầu, tìm kiếm nguồn việc làm ổn định cho Tổng Công ty và các đơn vị.

**8.** Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục quản trị triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn đơn vị, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**9.** Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các công ty con, công ty liên kết; nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đại diện phần vốn của Tổng công ty trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị.

**10.** Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.

### CÁC GIẢI PHÁP SẢN XUẤT KINH NĂM 2013

#### CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Tập trung triển khai thực hiện công tác tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty theo đề án tái cấu trúc được Tập đoàn phê duyệt. Quyết liệt thực hiện công tác kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức và nhân sự tại Công ty Mẹ cũng như các đơn vị thành viên đảm bảo gọn nhẹ, có năng lực và trình độ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước để thực hiện thoái vốn đối với các đơn vị không hoạt động trong lĩnh vực SXKD chính của Tổng công ty; trong đó đặc biệt quan tâm thực hiện tái cấu trúc đối với các đơn vị hoạt động kém hiệu quả.

Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ; Thường xuyên thực hiện công tác quy hoạch, đánh giá và phân loại cán bộ, công tác luân chuyển và điều động, bổ nhiệm cán bộ nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị.

#### CÔNG TÁC KINH TẾ ĐẦU THẦU

Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu đảm nhận thi công toàn bộ các công trình đầu khí phần trên bờ.

Tích cực làm việc với các Chủ đầu tư và các cơ quan hữu quan để có giải pháp giải quyết dứt điểm đối với những phát sinh không lường trước bị ảnh hưởng do biến động giá nhân công, nguyên liệu và các biến động khác tại các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Ethanol Phú Thọ,

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Kho chứa LPG lạnh Thị Vải... Kiểm điểm lại tình hình thực hiện toàn bộ các công trình, dự án đã và đang triển khai. Đánh giá thực chất hiệu quả kinh tế của từng công trình, dự án và rút ra bài học kinh nghiệm cho các công trình, dự án tiếp theo. Xây dựng hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật và đơn giá nội bộ tại các công trình.

## CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán và sử dụng vốn trong toàn Tổng công ty. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền, đảm bảo sử dụng đúng mục đích. Tập trung cân đối, thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ vốn phục vụ hoạt động SXKD, đặc biệt đáp ứng nhu cầu vốn triển khai thi công tại các công trình trọng điểm trong năm 2013 như: dự án NM nhiệt điện Vũng Áng 1, dự án NM nhiệt điện Thái Bình 2, dự án NM nhiệt điện Long Phú 1, dự án khu liên hiệp Lọc hóa dầu Nghi Sơn...

Thực hiện và yêu cầu người đại diện phần vốn tại các đơn vị thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại các Biên bản kiểm toán. Thực hiện thoái vốn của PVC tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản, các đơn vị không thuộc lĩnh vực hoạt động SXKD chính của Tổng công ty, các đơn vị hoạt động không hiệu quả để tập trung vốn cho các lĩnh vực hoạt động SXKD chính, đồng thời đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn. Thường xuyên rà soát lại các khoản công nợ phải thu và giá trị sản lượng dở dang tại các dự án/đơn vị. Quyết liệt nghiệm thu, thanh toán và thu hồi công nợ đặc biệt là công nợ nội bộ trong Tổng công ty và với các đơn vị trong Tập đoàn, giảm thiểu giá trị công nợ phải thu và khối lượng dở dang.

## CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THI CÔNG TẠI CÁC CÔNG TRÌNH

Nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng.





Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án. Nghiêm cấm việc các đơn vị thuê và sử dụng thầu phụ cấp 2, cấp 3.

Với vai trò là Tổng thầu EPC, PVC tăng cường việc quản lý, giám sát, tối ưu hóa thiết kế, thực hiện thiết kế bản vẽ thi công, lập biện pháp thi công phù hợp đảm bảo hiệu quả kinh tế trong triển khai thực hiện. Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, tiến độ thi công để kịp thời có biện pháp giải quyết các vướng mắc nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án. Thường xuyên đôn đốc và giám sát việc thực hiện trang bị bảo hộ lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động trên công trường.

Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hoá các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân...

#### CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Dự án Khu công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang: Tiếp tục công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư, đồng thời đề nghị Tập đoàn hỗ trợ chuyển nhượng dự án cho các đơn vị trong ngành có tiềm lực về tài chính để tiếp tục triển khai thực hiện dự án. Tăng cường giám sát việc thực hiện đầu tư XD CB và MSTB

tại các đơn vị thành viên đảm bảo đúng quy định pháp luật của Nhà nước và Quy chế Đầu tư của Tổng Công ty cũng như của Tập đoàn và nâng cao hiệu quả công tác đầu tư.

#### CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có năng lực, am hiểu công nghệ, có kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ CBCNV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ làm công tác quản lý, điều hành dự án, công tác thiết kế. Thường xuyên thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đào tạo trong công việc để xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ cao.

#### THỰC HIỆN TỐT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, AN SINH XÃ HỘI

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động; Đảm bảo tốt chính sách tiền lương, thu nhập bình quân năm 2013 là 6,15 triệu đồng/người/tháng. Không ngừng cải thiện điều kiện sống, điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV đặc biệt đối với những cán bộ công nhân làm việc trên các công trường. Kết hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tư duy và tác phong làm việc... của người lao động nhằm mang lại năng suất lao động cao hơn và mang lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

### CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU NĂM 2013

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	5,200.00	5,400.00
	<i>Riêng Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	2,164.65	4,000.00
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4,610.17	4,500.00
	<i>Riêng Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	1,525.90	3,600.00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(1,823.86)	-
	<i>Riêng Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	(1,368.60)	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(1,847.33)	-
	<i>Riêng Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	(1,368.94)	-
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	407.53	162.4
6	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	2.48	-
7	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	5.98	6.15
8	Thực hiện đào tạo	Lượt người	6,070	3,655
9	Chi phí đào tạo	Tỷ đồng	12.37	4.5

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng,  
huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012





**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

1123  
ÔNG  
NHẬN  
ELOI  
ET I  
ĐA -

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

## MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	17-18
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	19-20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	21-24
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	25
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	26-43
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	28-77





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2012)
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2012)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

M. 101/01  
 ÔN  
 NH  
 LI  
 ET  
 / 0A

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Bùi Ngọc Hưng*

Tổng Giám đốc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

2500  
G T  
M HƯ  
ITTI  
NAM  
TP.



# Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 12A, Toà nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +844 6288 3568  
Fax: +844 6288 5678  
www.deloitte.com/vn

Số: *Đ/C* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán bằng căn cứ kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013, từ trang 05 đến trang 61. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh (lưu hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/TLAMA-PVC để xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với giá trị là khoảng 1.322 tỷ VND. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án và xử lý các phát sinh chưa lường hết của dự án với tổng giá trị đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm là khoảng 1.313 tỷ đồng. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 31 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế hàn vè thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt, dự toán phát sinh được các đơn vị tự vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản lỗ tiềm tàng và chi phí phát sinh ngoài hợp đồng nào vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

# Deloitte.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

*Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau (Tiếp theo):*

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Tổng Công ty đã thực hiện một phần giá trị hợp đồng và đã ký hợp đồng giao thầu cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC Hà Nội) tiếp tục thực hiện phần giá trị còn lại của công trình với giá trị là 43.291.007 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVC Hà Nội đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm kiểm toán, các bên liên quan chưa thống nhất và ký chính thức phụ lục hợp đồng về giá trị bổ sung của công trình. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho các tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có), ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay. Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ đồng và đã ghi nhận là khoản phải thu khác, ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã quá hạn là khoảng 643 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản thực hiện bảo lãnh nêu trên và đã trích lập dự phòng cho các bảo lãnh quá hạn trên 6 tháng với mức trích lập là 30% (không tính đến khoản bảo lãnh cho khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với giá trị dự phòng khoảng 35,8 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng mức trích lập trên là phù hợp và Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"). Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 201"). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 01-DN/IN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>12.590.793.663.243</b>	<b>9.770.329.440.533</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>736.104.188.896</b>	<b>784.019.160.576</b>
1. Tiền	111		290.546.717.388	337.334.359.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		445.557.471.508	446.684.801.459
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>229.958.611.401</b>	<b>128.651.936.567</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		234.443.310.442	136.435.298.567
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.484.699.041)	(7.783.362.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.851.095.253.417</b>	<b>4.511.560.929.343</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.457.790.545.893	1.406.898.891.445
2. Trả trước cho người bán	132	8	3.630.009.636.207	1.646.157.870.732
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		73.814.646.949	297.962.236.911
4. Các khoản phải thu khác	135	9	1.152.850.745.134	1.215.694.176.478
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(463.370.320.766)	(55.152.246.223)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>3.696.766.552.687</b>	<b>3.868.220.762.955</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.696.906.946.750	3.868.220.762.955
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(140.394.063)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.076.869.056.842</b>	<b>477.876.651.092</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.850.136.527	55.348.041.033
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		153.208.469.502	217.467.230.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	26	56.017.072.769	33.008.997.288
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	1.833.793.378.044	172.052.382.633

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>6.363.221.846.040</b>	<b>7.002.739.639.316</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.355.983.869</b>	<b>5.366.677.204</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		5.355.983.869	5.366.677.204
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.421.762.625.614</b>	<b>4.288.888.352.734</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.844.055.025.533	1.552.025.136.852
- Nguyên giá	222		2.365.463.914.759	1.908.534.590.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(521.408.889.226)	(356.509.453.168)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	128.244.640.233	119.198.937.098
- Nguyên giá	225		161.684.209.984	133.924.294.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.439.569.751)	(14.725.356.925)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	507.696.600.672	147.127.975.118
- Nguyên giá	228		515.536.920.919	151.106.105.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.840.320.247)	(3.978.130.598)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	1.941.766.359.176	2.470.536.303.666
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>232.386.316.102</b>	<b>124.352.195.092</b>
- Nguyên giá	241		239.969.599.047	129.031.872.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(7.583.282.945)	(4.679.676.979)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.066.032.370.840</b>	<b>1.885.643.279.493</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	317.803.654.870	840.595.735.118
2. Góp vốn liên doanh	253		13.801.292.000	13.801.292.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	19	894.392.506.093	1.199.995.608.132
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	20	(159.965.082.123)	(168.749.355.757)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>593.968.963.016</b>	<b>642.407.442.619</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	21	398.369.337.346	448.074.315.297
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	22	87.355.050.399	85.755.678.561
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.244.575.271	108.577.448.761
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>23</b>	<b>43.715.586.599</b>	<b>56.081.692.174</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>18.954.015.509.283</b>	<b>16.773.069.079.849</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>13.856.505.240.026</b>	<b>11.293.286.619.263</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.082.873.875.235</b>	<b>9.712.951.439.408</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	24	2.688.745.661.644	3.367.649.005.244
2. Phải trả người bán	312		1.480.714.386.947	1.573.839.275.384
3. Người mua trả tiền trước	313	25	6.230.381.745.440	2.864.106.607.031
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	26	187.347.950.097	134.627.012.017
5. Phải trả người lao động	315		68.869.481.045	120.651.534.893
6. Chi phí phải trả	316	27	621.428.483.244	635.154.620.771
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	28	877.671.688.762	1.005.895.028.186
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.714.478.056	11.028.355.882
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.773.631.364.791</b>	<b>1.580.335.179.855</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		184.553.597.978	44.945.118.609
2. Vay và nợ dài hạn	334	29	1.468.127.388.400	1.443.359.529.617
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	11.362.562.776	13.995.134.774
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	2.390.052.368
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		13.502.462.956	18.274.957.748
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		96.085.352.681	57.370.386.739
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>2.848.113.343.812</b>	<b>2.755.945.543.837</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>30</b>	<b>2.848.113.343.812</b>	<b>2.755.945.543.837</b>
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	4.144.268.326
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.494.133.407)	(6.543.182.595)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(19.115.598.973)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		79.774.784.389	63.033.272.801
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.450.190.982	52.675.506.824
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.818.417.732	4.028.121.130
9. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.297.499.192.128)	154.659.880.080
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.249.396.925.445</b>	<b>2.723.836.916.749</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>18.954.015.509.283</b>	<b>16.773.069.079.849</b>

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm 2012

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại:			
- USD	USD	2.317.943	98.534
- EUR	EUR	14	8



**Bùi Hoàng Giang**  
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



**Phạm Tiến Đạt**  
Kế toán trưởng



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Đài Ngọc Hà*  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MÃ SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.660.992.660.732	9.304.123.046.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		191.488.521.019	32.203.459.541
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	32	4.469.504.139.713	9.271.919.586.481
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	4.680.007.431.395	8.262.007.212.838
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(210.503.291.682)	1.009.912.373.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	129.096.316.537	314.791.865.375
7. Chi phí tài chính	22	35	587.199.010.427	477.376.687.036
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		475.987.230.490	306.487.481.093
8. Chi phí bán hàng	24		15.955.198.139	19.041.370.752
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.036.029.727.950	714.395.338.663
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(1.720.590.911.661)	113.890.842.567
11. Thu nhập khác	31		123.432.305.652	84.186.972.522
12. Chi phí khác	32		114.843.654.272	40.233.288.765
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		8.588.651.380	43.953.683.757
14. (Lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết	45		(111.859.764.350)	27.065.080.516
15. Tổng(lãi)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(1.823.862.024.631)	184.909.606.840
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	28.927.909.955	153.360.489.123
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	(5.452.751.232)	(65.696.265.789)
18. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(1.847.337.183.354)	97.245.383.506
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(508.946.193.723)	116.369.108.847
(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(1.338.390.989.631)	(19.123.725.341)
19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(3.670)	(76)

**Bùi Hoàng Giang**  
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

**Phạm Tiến Đạt**  
Kế toán trưởng



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Bùi Ngọc Hưng*

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(1.823.862.024.631)	184.909.606.840
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	247.047.119.019	144.700.901.064
Các khoản dự phòng	03	432.060.065.235	151.156.857.690
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	9.473.825.279	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(102.944.047.999)	(288.245.952.554)
Chi phí lãi vay	06	475.987.230.490	306.487.481.093
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(762.237.832.607)	499.008.894.133
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.456.235.696.678)	(443.236.273.578)
Thay đổi hàng tồn kho	10	171.313.816.205	(2.198.897.266.727)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.276.063.764.051	1.225.653.002.123
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	140.317.359.167	31.922.979.765
Tiền lãi vay đã trả	13	(282.776.928.903)	(419.788.442.776)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(80.082.309.003)	127.356.136.745
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.415.988.697	188.470.887.335
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.789.038.510.667)	(112.747.855.257)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(778.260.349.738)	(1.102.257.938.237)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(403.202.711.054)	(1.479.062.876.823)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.298.633.219	222.561.902.936
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(883.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	67.676.000.000	1.030.563.411.212
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.286.017.167)	(32.571.100.842)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.901.803.550	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	95.163.583.419	160.660.942.333
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(104.448.708.033)	(980.847.721.184)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

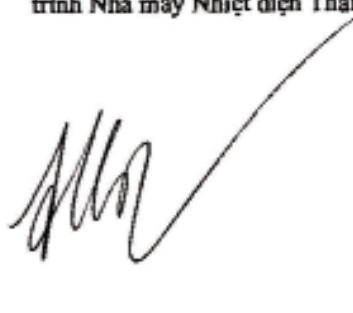
**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	1.375.000.000.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(29.710.000)	(18.305.601.139)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.968.510.582.628	6.341.963.509.991
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.488.941.990.923)	(4.960.236.765.050)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(19.749.226.403)	(17.758.566.220)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>834.789.655.302</b>	<b>1.345.662.577.582</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<b>50</b>	<b>(47.919.402.469)</b>	<b>(737.443.081.839)</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<b>60</b>	<b>784.019.160.576</b>	<b>1.521.462.242.415</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<b>61</b>	<b>4.430.789</b>	<b>-</b>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<b>70</b>	<b>736.104.188.896</b>	<b>784.019.160.576</b>

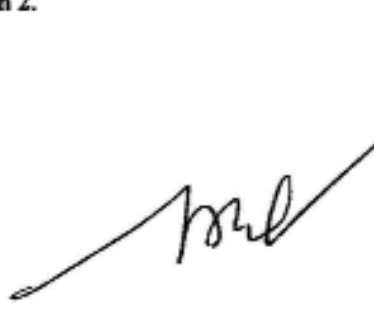
**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 125.000.000.000 VND, là số tiền trả cổ tức bằng cổ phiếu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm số tiền 91.361.184.288 VND là tiền đã bị một số ngân hàng giữ để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh do các công ty con của Tổng Công ty không thực hiện thanh toán đúng hạn các khoản nợ đến hạn tại các ngân hàng này và số tiền 1.665.609.000.000 VND là số tiền nhận ứng trước của Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 để mở L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.



**Bùi Hoàng Giang**  
Người lập



**Phạm Tiến Đạt**  
Kế toán trưởng



**PHO TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Bùi Ngọc Hưng*  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/BN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 4 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.331.000 VND, chiếm 54,55%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.862 người (31 tháng 12 năm 2011: 7.322 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè biển cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong năm, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty giảm mạnh so với năm 2011, lỗ phát sinh với số tiền là khoảng 1.847 tỷ VND, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh âm khoảng 778 tỷ VND, dư nợ khoản vay ngắn hạn quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.588 tỷ VND (Thuyết minh số 24) và bảo lãnh ngắn hạn quá hạn là 643 tỷ VND (Thuyết minh số 39). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2013 để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ nhận được nguồn doanh thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số hao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong hàng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm tất cả các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/11N**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và nợ khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/BN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Máy móc, thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10

BỘ CÔNG THƯƠNG

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Cụ thể:

- Quyền sử dụng 1.218 m<sup>2</sup> đất lâu dài và 307,6 m<sup>2</sup> đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m<sup>2</sup> đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web***

Giá trị phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sân giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Trong năm, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi (theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố). Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 19.115.598.973 VND và lỗ trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 19.115.598.973 VND và số dư khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 19.115.598.973 VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH**

Theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 9 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Các khoản điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

- Tăng khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chi phí tài chính chủ yếu do Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long do khoản lỗ của công ty này nằm trong kế hoạch lỗ 3 năm kể từ ngày Nhà máy xi măng đi vào hoạt động.
- Tăng phải thu khác hàng đồng thời giảm phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng do phân loại lại.
- Tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đồng thời giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang do phân loại lại.
- Tăng chi phí trả trước dài hạn tăng đồng thời giảm nguyên giá tài sản cố định vô hình với do phân loại lại lợi thế thương mại khi cổ phần hóa.
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước do các đơn vị của Tổng Công ty chưa ghi nhận thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với giá trị công trình đã nghiệm thu, ghi nhận doanh thu nhưng chưa xuất hoá đơn.
- Tăng doanh thu do công trình đã nghiệm thu nhưng chưa ghi nhận doanh thu.
- Tăng giá vốn hàng bán liên quan đến việc điều chỉnh giảm giá chi phí liên quan đến công trình kho lạnh LPG do Kiểm toán Nhà nước kết luận chưa đủ điều kiện để điều chỉnh giảm giá.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

Đơn vị: VND

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2011		31/12/2011	
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh	
Tài sản ngắn hạn	9.953.101.356.017	(182.771.915.484)	9.770.329.440.533	
Tài sản dài hạn	6.917.162.593.889	85.577.045.427	7.002.739.639.316	
Nợ phải trả	11.187.350.920.784	105.935.698.479	11.293.286.619.263	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.971.744.237.332	(215.798.693.495)	2.755.945.543.837	
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.711.168.791.790	12.668.124.959	2.723.836.916.749	

#### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2011		Năm 2011	
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.286.993.703.290	17.129.342.732	9.304.123.046.022	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	8.199.823.806.527	62.183.406.311	8.262.007.212.838	
Doanh thu hoạt động tài chính	312.374.875.815	2.416.989.560	314.791.865.375	
Chi phí tài chính	311.336.552.456	166.040.134.580	477.376.687.036	
Lợi nhuận khác	34.587.736.506	9.365.947.251	43.953.683.757	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	299.400.010.200	(202.154.626.694)	97.245.383.506	

#### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2011		Năm 2011	
	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh	
1. Lợi nhuận trước thuế	379.466.203.374	(194.556.596.534)	184.909.606.840	
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	528.828.900.128	(29.820.005.995)	499.008.894.133	

### 6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	25.532.092.863	34.001.558.365
Tiền gửi ngân hàng	265.013.319.525	303.332.800.752
Tiền đang chuyển	1.305.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	445.557.471.508	446.684.801.459
	<b>736.104.188.896</b>	<b>784.019.160.576</b>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	234.443.310.442	136.435.298.567
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.484.699.041)	(7.783.362.000)
	<u>229.958.611.401</u>	<u>128.651.936.567</u>

(i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện các khoản đầu tư sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	23.996.789.041	21.561.156.460
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Incoress	-	6.936.563.433
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành vay (thời hạn cho vay 3 tháng)	86.134.500.000	80.000.000.000
Góp vốn đầu tư Khu đô thị dầu khí Sông Hồng	27.500.000.000	27.500.000.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Golden Palace	20.049.750.000	-
Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM	23.253.395.500	-
Tiền gửi có kỳ hạn (từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng)	50.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	3.508.875.901	437.578.674
	<u>234.443.310.442</u>	<u>136.435.298.567</u>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty công nghiệp Daelim (*)	2.060.095.613.280	-
Tập đoàn Sojitz (*)	367.860.302.250	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng PVC- IMICO	243.063.575.162	318.776.420.540
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	151.367.390.188	96.555.329.580
Tổng công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát	46.690.673.152	58.658.436.472
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu Khí	46.311.636.911	34.623.985.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	46.276.347.855	48.785.877.985
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	44.251.334.989	12.111.944.546
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp tàu thủy phía Nam	41.818.269.300	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.708.623.422	26.442.567.165
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	5.000.000.000	188.113.486.094
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Seen	-	45.655.622.000
CT TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp	-	39.177.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Sông Đà	-	25.600.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	26.145.597.511
Các nhà cung cấp khác	550.565.869.698	725.511.603.839
	<u>3.630.009.636.207</u>	<u>1.646.157.870.732</u>

(\*) Khoản trả trước cho liên danh nhà thầu Sojitz và Daelim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí Idico	118.295.555.492	101.620.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVTN)	-	139.235.260.203
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC)	98.777.387.739	96.503.070.995
Công ty TNHH VNT	65.215.840.000	-
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	198.999.199.967	40.677.599.566
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OCG)	34.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	200.000.000.000
Tổng Công ty khí Việt Nam (PV Gas)	5.710.202.061	120.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	113.850.000.000	113.850.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	17.226.972.263	16.220.000.000
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC)	21.328.869.681	26.179.097.064
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*)	45.477.848.975	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội (*)	39.213.925.313	-
Phải thu khác	340.254.943.643	361.409.148.650
	<b>1.152.850.745.134</b>	<b>1.215.694.176.478</b>

(\*) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội thể hiện khoản tiền các ngân hàng này đã cắt từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 39).

### 10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Nguyên liệu, vật liệu (**)	43.944.546.968	73.777.379.505
Công cụ, dụng cụ	8.623.604.413	7.552.512.615
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.210.365.531.112	3.621.827.482.598
Thành phẩm	61.957.815.985	99.445.944.580
Hàng hóa (***)	343.568.592.983	13.648.761.143
Hàng hóa bất động sản	28.446.855.289	51.968.682.514
	<b>3.696.906.946.750</b>	<b>3.868.220.762.955</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(140.394.063)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>3.696.766.552.687</b>	<b>3.868.220.762.955</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)**

(\*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang xây dựng dở dang, tại ngày 31/12/2012, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình Ethanol	356.127.289.854	502.745.427.821
Công trình LPG Lạnh	125.122.370.825	124.785.032.309
Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	132.712.081.534	33.114.366.327
Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	272.276.483.131	283.497.114.108
Dự án Khách sạn Lum Kinh	-	126.153.747.856
Công trình PetroVietNam Landmark	222.949.151.204	252.190.544.504
Công trình chung cư Petroland Quận 2, TP. HCM	203.930.405.718	351.774.625.065
Khu TTGM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng (i)	419.381.257.051	478.111.363.802
Dự án chung cư cao tầng Thăng Long - Q.9 - TP. HCM (ii)	345.000.000.000	345.000.000.000
Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú - Q.7 - TP. HCM	369.262.121.850	365.849.548.073
Các công trình khác	763.604.369.945	758.605.712.733
	<b>3.210.365.531.112</b>	<b>3.621.827.482.598</b>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 29, PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư của dự án này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(ii) Chi phí quyền sử dụng đất và giá trị đầu tư của Dự án chung cư cao tầng Thăng Long, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh của PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty).

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, PVC-ME (Công ty con của Tổng Công ty) tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản và phát hiện một số nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định bị thiếu so với sổ sách. PVC-ME đã xác định nguyên nhân và xử lý hạch toán kế toán trên sổ sách làm tổng chi phí trong năm tăng lên 20.252.583.193 VND.

(\*\*\*) Bao gồm 226.803.416.438 VND là giá trị tòa nhà Bạc Liêu Tower của PVC-Mekong (Công ty con của Tổng Công ty). Theo Nghị quyết số 02/NQ-D1DK ngày 20 tháng 3 năm 2013 của PVC-Mekong, Hội đồng quản trị PVC-Mekong đã thống nhất phương án chuyển nhượng dự án Bạc Liêu Tower theo hình thức đấu giá công khai để cân bằng tình hình tài chính của Công ty. Giá bán khởi điểm Bạc Liêu Tower được phê duyệt theo trị giá của Chứng thư Thẩm định giá - Công ty Cổ phần Thẩm định - Giám định Cửu Long là 201.862.283.000 VND.

**11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KILÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng (i)	147.716.662.224	158.958.823.351
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (ii)	1.684.618.981.560	12.973.535.022
Tài sản ngắn hạn khác	1.457.734.260	120.024.260
	<b>1.833.793.378.044</b>	<b>172.052.382.633</b>

(i) Bao gồm khoản tạm ứng cho ban chỉ huy công trường, nhân viên của PVC-ME (Công ty con của Tổng Công ty) với số tiền 45.085.169.215 VND tồn đọng lâu ngày và 1.533.920.659 VND tạm ứng cho các nhân viên đã chuyển công tác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá các khoản tạm ứng này có thể thu hồi được và chưa thực hiện trích lập dự phòng cho số dư tạm ứng này.

(ii) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn bao gồm số tiền 1.665.609.000.000 VND Tổng Công ty ký quỹ để mở L/C nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCB-PVC ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	836.332.417.353	748.672.455.340	242.592.455.656	74.170.863.648	6.766.398.023	1.908.534.590.020
Tăng do mua sắm	68.084.308.391	16.662.080.109	9.311.316.380	8.418.111.673	407.312.500	102.883.129.053
Xây dựng cơ bản hoàn thành	86.142.500.457	45.454.545	-	-	-	86.187.955.002
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	235.247.055.061	166.651.664.135	1.627.778.677	2.176.355.134	11.232.000	405.714.085.007
Thanh lý, nhượng bán	(1.745.210.527)	(37.899.327.998)	(5.237.723.372)	(1.587.676.697)	-	(46.469.938.594)
Giảm do không hợp nhất công ty con (i)	-	-	(3.806.280.001)	(2.366.184.267)	-	(6.172.464.268)
Giảm khác (ii)	(17.367.212.655)	(25.823.783.840)	(39.749.440.713)	(296.981.909)	-	(83.237.419.117)
Phân loại lại	(76.615.014.914)	75.200.155.665	(1.721.760.000)	-	1.160.596.905	(1.976.022.344)
Tại ngày 31/12/2012	1.130.076.843.166	943.508.697.956	203.016.346.627	80.514.487.582	8.345.539.428	2.365.463.914.759
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	23.224.427.533	203.229.160.718	91.695.955.065	35.375.186.272	2.984.723.580	356.509.453.168
Trích khấu hao trong năm	35.046.783.872	126.496.444.487	39.255.804.244	18.480.876.195	1.398.140.181	220.678.048.979
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	2.770.844.753	3.678.564.275	175.945.776	702.315.096	561.600	7.328.231.500
Thanh lý, nhượng bán	(640.427.496)	(10.317.799.332)	(3.323.678.108)	(1.270.997.405)	-	(15.552.902.341)
Giảm do không hợp nhất công ty con (i)	-	-	(3.021.474.288)	(1.423.632.330)	-	(4.445.106.618)
Giảm khác (ii)	-	(23.563.397.738)	(19.482.668.113)	(16.493.867)	-	(43.062.559.718)
Phân loại lại	(46.275.744)	15.422.075	-	(15.422.075)	-	(46.275.744)
Tại ngày 31/12/2012	60.355.352.918	299.538.394.485	105.299.884.576	51.831.831.886	4.383.425.361	521.408.889.226
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2012	1.069.723.490.248	643.970.303.471	97.716.462.051	28.682.655.696	3.962.114.067	1.844.055.025.533
Tại ngày 31/12/2011	813.107.989.820	545.443.294.622	150.896.500.591	38.795.677.376	3.781.674.443	1.552.025.136.852

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MÀU SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 752.011.221.580 VND (31 tháng 12 năm 2011: 353.324.974.277 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 65.315.668.341 VND (31 tháng 12 năm 2011: 53.026.153.367 VND).

- (i) Trong năm, PVC-Duyên Hải, PVC-Phú Đạt, Lam Kinh trở thành công ty con của Tổng Công ty, đồng thời PVR không còn là công ty con của Tổng Công ty.
- (ii) Giảm khác chủ yếu là do điều chỉnh số dư nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình của PVC-ME (công ty con của Tổng Công ty) do giải thể công ty con PME 2 của PVC-ME.

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	76.751.803.613	57.172.490.410	133.924.294.023
Thuê tài chính trong năm	-	31.203.297.313	31.203.297.313
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.443.381.352)	(3.443.381.352)
Tại ngày 31/12/2012	<u>76.751.803.613</u>	<u>84.932.406.371</u>	<u>161.684.209.984</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	10.087.199.911	4.638.157.014	14.725.356.925
Khấu hao trong năm	10.299.272.953	9.295.813.666	19.595.086.619
Thanh lý, nhượng bán	-	(880.873.793)	(880.873.793)
Tại ngày 31/12/2012	<u>20.386.472.864</u>	<u>13.053.096.887</u>	<u>33.439.569.751</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<u>56.365.330.749</u>	<u>71.879.309.484</u>	<u>128.244.640.233</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>66.664.603.702</u>	<u>52.534.333.396</u>	<u>119.198.937.098</u>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	140.621.206.665	25.000.000	10.384.899.051	75.000.000	151.106.105.716
Tăng do mua sắm	67.574.544	-	4.750.019.383	29.000.000	4.846.593.927
Thay đổi do hợp nhất các công ty con (i)	359.646.008.945	-	(61.787.669)	-	359.584.221.276
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>500.334.790.154</b>	<b>25.000.000</b>	<b>15.073.130.765</b>	<b>104.000.000</b>	<b>515.536.920.919</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	756.911.336	10.961.771	3.164.021.180	46.236.311	3.978.130.598
Khấu hao trong năm	978.015.382	8.063.333	2.859.856.360	24.442.380	3.870.377.455
Thay đổi do hợp nhất các công ty con (i)	120.908.190	-	(129.095.996)	-	(8.187.806)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.855.834.908</b>	<b>19.025.104</b>	<b>5.894.781.544</b>	<b>70.678.691</b>	<b>7.840.320.247</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	498.478.955.246	5.974.896	9.178.349.221	33.321.309	507.696.600.672
Tại ngày 31/12/2011	139.864.295.329	14.038.229	7.220.877.871	28.763.689	147.127.975.118

PVC-MS (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 2, Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.841.318.833 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

- (i) Trong năm, PVC-Duyên Hải, PVC-Phú Đạt, Lam Kinh trở thành công ty con của Tổng Công ty, đồng thời PVR không còn là công ty con của Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
	VND	VND
Dự án CT10-11 Văn Phú	-	496.505.644.996
Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	483.612.469.382	329.545.286.552
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	194.788.420.496	186.129.747.425
Dự án Xuân Phương (i)	170.550.146.770	170.550.146.770
Dự án Bạc Liêu Tower	-	167.273.404.195
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	153.782.811.274	151.405.149.594
Công trình - Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh Vũng Tàu	122.067.615.550	62.316.085.205
Chung cư Nam An Khánh	116.575.996.438	116.575.996.438
Dự án Khách sạn Lam Kinh	113.436.350.353	-
Công trình - Đầu tư Bất Động sản Khu du lịch Thanh Bình P10	101.846.923.850	102.671.984.850
Dự án Khu công nghiệp và dịch vụ Dầu khí Soái Rạp, tỉnh Tiền Giang	101.497.661.092	97.208.781.818
Công trình - Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu	74.366.076.011	73.289.959.066
Dự án trụ sở PVFC tại Hải Phòng (ii)	71.908.280.081	70.514.751.850
Các công trình, dự án khác	237.333.607.879	446.549.364.907
	<b>1.941.766.359.176</b>	<b>2.470.536.303.666</b>

- (i) PVC-Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại khu đô thị mới Xuân Phương với giá trị là 108.907.331.000 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) PVC-Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất trong tương lai thuộc Dự án Tòa nhà trụ sở PVFC tại Hải Phòng để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MAU SO B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	84.899.664.340	44.132.207.731	129.031.872.071
Tăng trong năm	-	37.693.708.092	37.693.708.092
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	-	73.245.474.261	73.245.474.261
Giảm khác	(1.455.377)	-	(1.455.377)
Tại ngày 31/12/2012	<u>84.898.208.963</u>	<u>155.071.390.084</u>	<u>239.969.599.047</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	4.679.676.979	-	4.679.676.979
Khấu hao trong năm	2.903.605.966	-	2.903.605.966
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.583.282.945</u>	<u>-</u>	<u>7.583.282.945</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<u>77.314.926.018</u>	<u>155.071.390.084</u>	<u>232.386.316.102</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>80.219.987.361</u>	<u>44.132.207.731</u>	<u>124.352.195.092</u>

- (i) Trong năm, PVC-Duyên Hải, PVC-Phú Đạt, Lam Kinh trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư có tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 70.802.245.295 VND (31 tháng 12 năm 2011 là 70.802.245.295 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần quyền sử dụng đất, nhà cửa vật kiến trúc và cơ sở hạ tầng tại số 16 Trương Định, Phường 16, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh của PVC-Petroland (Công ty con của Tổng Công ty). Trong tháng 12 năm 2012, PVC-Petroland đã ký hợp đồng chuyển nhượng tòa nhà số 16 Trương Định cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với giá trị chuyển nhượng bằng giá trị còn lại của tài sản và đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, bàn giao cho SCIC trong năm 2013.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Vũng Tàu	54%	54%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i) (ii)	Hà Nội	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cần Thơ	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land)	Hà Nội	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đát (PVC-Phú Đát)	Thành phố Hồ Chí Minh	49%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) (i)	Hải Phòng	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, xăng dầu, vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	51%	82%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô, PVC-Petroland và PVC-Duyên Hải nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” và Nghị quyết số 491/NQ-XLDK ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam”, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (ii) Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán dự án tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (Giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói của dự án số 59/2009-EPC ngày 12 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí là 50.098.000 USD, giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ phần giá trị tăng thêm này chưa được thống nhất và ký phụ lục hợp đồng bổ sung với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí (chủ đầu tư dự án). Báo cáo tài chính của PVC-JIN (Công ty con của Tổng Công ty) chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị tăng thêm theo kết quả thẩm tra nêu trên. Theo đó, Tổng Công ty chưa xem xét bất kỳ ảnh hưởng nào của giá trị tăng thêm này đến lợi nhuận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012; do đó, không có khoản dự phòng nào được trích lập và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm hoạt động này.

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	418.753.447.055	825.706.831.668
Lợi thế thương mại	(2.002.031.897)	(2.002.031.897)
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết	(98.947.760.288)	16.890.935.347
	<b>317.803.654.870</b>	<b>840.595.735.118</b>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	5.727.138.633.013	7.010.177.621.061
Tổng công nợ	4.561.587.932.932	4.453.518.803.786
Tài sản thuần	1.165.550.700.081	2.556.658.817.275
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<b>317.803.654.870</b>	<b>840.595.735.118</b>
	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	VND	VND
Doanh thu	1.551.896.343.693	3.050.556.217.632
Lợi nhuận thuần	(369.786.048.043)	42.666.636.468
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<b>(111.859.764.350)</b>	<b>27.065.080.516</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về một số công ty liên kết chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Stt	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2012 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	44	44	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	26	26	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	100.000.000.000	27	27	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	50	50	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	23	23	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	86.819.907.055	25	25	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sóng Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	27	27	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC- FECON	Hà Nam	37.500.000.000	29	35	Sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	Bắc Ninh	35.163.540.000	19	23	Sản xuất công nghiệp
10	Công ty cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm	Đà Nẵng	22.800.000.000	23	46	Đầu tư, khai thác và kinh doanh khu công nghiệp
11	Công ty cổ phần Xây lắp và vật liệu Xây dựng dầu khí Sóng Hồng	Hà Nội	7.000.000.000	14	39	Xây dựng
12	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	Quảng Bình	18.130.000.000	12	24	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
<b>Tổng cộng</b>			<b>418.753.447.055</b>			

**19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư chứng khoán (i)	576.966.021.999	654.416.021.999
Hợp đồng hợp tác đầu tư	315.608.302.274	540.261.404.313
Khác	1.818.181.820	5.318.181.820
	<b>894.392.506.093</b>	<b>1.199.995.608.132</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	16%	148.068.065.000	17%
3 Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)	86.100.000.000	14%	86.100.000.000	14%
4 Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép dầu khí (PV PIPE)	78.000.000.000	16%	75.000.000.000	15%
5 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	30.000.000.000	10%	30.000.000.000	10%
6 Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
7 Công ty Cổ phần Hải Đăng	15.000.000.000	5%	15.000.000.000	5%
8 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	13.200.000.000	6%	13.200.000.000	6%
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
10 Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
11 Các khoản đầu tư dài hạn khác	31.832.988.800		100.282.988.800	
	<b>576.966.021.999</b>		<b>654.416.021.999</b>	

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Với những đơn vị chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của năm gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

### 20. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (*)	147.300.000.000	143.324.809.747
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao Sopewaco	10.200.000.000	5.710.105.343
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	2.465.082.123	19.714.440.667
	<b>159.965.082.123</b>	<b>168.749.355.757</b>

(\*) Phần lớn khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long được trích lập hồi tố vào báo cáo năm 2011 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 là do khoản lỗ nằm trong kế hoạch lỗ 3 năm kể từ ngày Nhà máy xi măng đi vào hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	108.364.004.812	116.484.764.160
Chi phí trả trước cho công cụ, dụng cụ, lán trại	58.924.728.846	100.638.748.835
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	103.055.961.057	104.317.229.973
Lợi thế kinh doanh (i)	61.725.305.796	51.949.748.847
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sân giao dịch bất động sản (ii)	14.231.623.641	17.720.106.510
Chi phí trả trước tiền thuê đất khu Công nghiệp Hòa Mạc	20.927.218.704	21.381.390.321
Chi phí trả trước dài hạn khác	31.140.494.490	35.582.326.651
	<b>398.369.337.346</b>	<b>448.074.315.297</b>

(i) Lợi thế kinh doanh chủ yếu bao gồm 43.536.700.000 VND là giá trị sau khi đánh giá lại quyền sử dụng đất có thời hạn (hết hạn vào năm 2015) tại Vũng Tàu của PVC-IC (Công ty con của Tổng Công ty) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các Công ty TNHH MTV của Tổng Công ty sang Công ty Cổ phần. Trong năm, PVC-IC không thực hiện phân bổ đối với các lợi thế kinh doanh này do có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu phức hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, căn hộ để kinh doanh.

(ii) Chi phí dịch vụ bán căn hộ (dự án PetroVietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) qua sân giao dịch Bất động sản theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Sân giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam ký với PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả, tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Đánh giá lại giá trị lợi thế kinh doanh VND	Doanh thu chưa thực hiện VND	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Loại trừ lợi nhuận chưa thực hiện trong hàng tồn kho cuối năm VND		Tổng cộng VND
				VND	VND	
Tại ngày 01/01/2011	(14.515.089.326)	-	1.937.342.669	15.570.787.299	4.047.179.198	7.040.219.840
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ trong năm)	281.002.874	-	(687.300.935)	61.524.553.509	3.602.068.499	64.720.323.947
Tại ngày 01/01/2012 (Trình bày lại)	(14.234.086.452)	-	1.250.041.734	77.095.340.808	7.649.247.697	71.760.543.787
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ trong kỳ)	3.709.593.978	-	-	5.878.158.040	(4.047.179.198)	5.540.572.820
Khác	326.773.266	-	(1.250.041.734)	-	(385.360.516)	(1.308.628.984)
Tại ngày 31/12/2012	(10.197.719.208)	-	-	82.973.498.848	3.216.707.983	75.992.487.623

Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	VND	(Trình bày lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(11.362.562.776)	(13.995.134.774)
	87.355.050.399	85.755.678.561
	<b>75.992.487.623</b>	<b>71.760.543.787</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<u>Lợi thế thương mại</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	70.427.454.676
Tăng do mua công ty con	4.711.430.025
Giảm do hợp nhất	(10.644.979.990)
Tại ngày 31/12/2012	64.493.904.711
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	14.345.762.502
Khấu hao trong năm	7.763.178.109
Giảm do bán công ty con	(1.330.622.499)
Tại ngày 31/12/2012	20.778.318.112
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2012	<u>43.715.586.599</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>56.081.692.174</u>

**24. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> VND
Vay ngắn hạn	2.394.095.684.444	2.969.404.223.069
- Vay tại Công ty mẹ	1.098.797.418.550	1.634.056.397.458
- Vay tại các công ty con	1.295.298.265.894	1.335.347.825.611
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	294.649.977.200	398.244.782.175
- Vay tại Công ty mẹ	10.590.941.966	1.428.673.752
- Vay tại các công ty con	284.059.035.234	396.816.108.423
	<u>2.688.745.661.644</u>	<u>3.367.649.005.244</u>

Chi tiết một số khoản vay và nợ ngắn hạn chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	245.069.108.470	262.082.005.203
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	25.546.428.179	196.909.817.422
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	1.146.940.681.902	1.293.251.724.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (iii)	157.892.587.405	157.892.587.405
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (iv)	105.350.219.871	160.716.821.657
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (v)	202.239.674.939	168.996.243.195
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	138.607.216.531	97.989.054.135
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP HCM	106.353.611.100	75.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (vi)	173.612.423.758	104.216.046.905
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (vii)	58.348.978.789	207.924.750.203



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 24. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 6 khoản vay theo hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với lãi suất từ 15,5%/năm đến 20%/năm (năm 2011 là từ 18,5%/năm đến 22%/năm). Trong đó khoản vay tại PVC Mekong với số tiền 49.769.768.937 VND được đảm bảo bằng nhà và đất tại số 131 Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với giá trị 60.406.129.986 VND.
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương chủ yếu là các khoản vay của Công ty mẹ Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động và hỗ trợ các đơn vị trong quá trình tái cơ cấu Tổng Công ty theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Trong đó các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC đã quá hạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn là 8,25%/năm, Hợp đồng tín dụng số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn 7,35%/năm, số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 5 năm 2012 và phải chịu lãi suất quá hạn 7,35%/năm.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam bao gồm 4 khoản vay, với lãi suất dao động từ 17%/năm đến 21,5%/năm (năm 2011 là từ 14,6%/năm đến 22%/năm).
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô bao gồm 2 khoản vay với lãi suất dao động từ 14%/năm đến 23%/năm (năm 2011 là từ 14,5% năm đến 23% năm) và thời gian rút vốn trong vòng 1 năm.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội bao gồm 6 khoản vay với lãi suất dao động từ 10,5%/năm đến 20%/năm (năm 2011 là từ 22%/năm đến 24%/năm).
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt bao gồm 2 khoản vay với lãi suất dao động từ 11%/năm đến 21%/năm (năm 2011 là từ 14%/năm đến 23%/năm).
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long bao gồm 3 khoản vay. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và thay đổi định năm 3 tháng/lần (lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 17%/năm đến 17,5%/năm cho năm 2012).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản vay tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã quá hạn với số tiền như sau:

	<u>31/12/2012</u>
	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.058.097.418.550
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	121.462.877.481
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội	40.700.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	97.494.240.291
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	96.071.722.220
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	75.534.368.809
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt	52.035.219.871
Các ngân hàng, tổ chức tín dụng khác	46.610.262.578
	<u><b>1.588.006.109.800</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Người mua trả tiền trước chủ yếu là số tiền nhận trước từ Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với số tiền 5.062.596.312.402 VND liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

**26. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Phải nộp tại 01/01/2012		Phải nộp tại 31/12/2012	
	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	84.757.553.237	149.883.070.077	165.146.532.632	69.494.090.682
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.888.962.190	11.888.962.190	-
Thuế nhập khẩu	-	3.209.832.084	3.209.832.084	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.237.653.988	28.927.909.955	80.082.309.003	(40.916.745.060)
Thuế thu nhập cá nhân	5.541.698.831	28.017.064.120	29.675.695.709	3.883.067.242
Tiền thuế đất	-	15.733.662.623	15.959.870.320	(226.207.697)
Thuế môn bài	-	98.000.000	98.000.000	-
Thuế khác	1.081.108.673	27.679.963.094	10.787.826.691	17.973.245.076
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	32.094.281.007	30.970.853.922	1.123.427.085
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>101.618.014.729</b>	<b>297.532.745.150</b>	<b>347.819.882.551</b>	<b>51.330.877.328</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	33.008.997.288			56.017.072.769
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	134.627.012.017			107.347.950.097

**27. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	497.446.338.034	531.338.209.963
Chi phí trích trước lãi vay	83.018.454.673	80.508.343.401
Chi phí phải trả khác	40.963.690.537	23.308.067.407
	<b>621.428.483.244</b>	<b>635.154.620.771</b>

**28. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	228.847.366.691	216.356.097.064
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú	-	287.312.097.043
Phải trả khách hàng thanh lý hợp đồng mua căn hộ (ii)	44.231.406.871	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	97.319.407.289	3.029.191.529
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	32.064.504.287	11.500.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	28.000.000.000	28.000.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	80.000.000.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	35.784.533.222	-
Chi phí lãi vay	89.470.162.426	6.833.297.354
Nhận đặt cọc ngắn hạn	28.441.330.028	25.078.421.231
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	293.512.977.948	347.785.923.965
	<b>877.671.688.762</b>	<b>1.005.895.028.186</b>

1001  
 CÔNG  
 NGHỆ  
 ĐE  
 VIỆT  
 Ứ Đ





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 28. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) chủ yếu bao gồm: (i) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20/9/2010, (ii) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15/7/2010 ký với PetroVietnam, và (iii) vốn PetroVietnam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang.
- (ii) Khoản tiền PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty) nhận từ các nhà đầu tư theo các hợp đồng mua bán căn hộ chung cư.
- (iii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty con theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Trong đó, số lãi vay quá hạn phải trả khoảng 88.891.803.440 VND.

### 29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	1.564.871.632.337	1.742.890.695.590
- Vay tại Công ty mẹ	47.597.183.300	-
- Vay tại các công ty con	1.517.274.449.037	1.742.890.695.590
Nợ dài hạn	197.905.733.263	98.713.616.202
- Nợ dài hạn tại Công ty mẹ	1.071.505.306	2.500.179.058
- Nợ dài hạn tại các công ty con	196.834.227.957	96.213.437.144
	<b>1.762.777.365.600</b>	<b>1.841.604.311.792</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn tại Thuyết minh số 24)	(294.649.977.200)	(398.244.782.175)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.468.127.388.400</b>	<b>1.443.359.529.617</b>

Chi tiết một số khoản vay và nợ dài hạn chủ yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	303.619.169.540	358.176.394.721
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	424.516.846.164	561.277.276.373
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (iii)	258.496.035.819	226.423.178.755
Nợ thuê tài chính dài hạn	37.170.029.311	20.742.670.594
Trái phiếu phát hành (iv)	95.000.000.000	54.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 2 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của Công ty mẹ Tổng Công ty nhận chuyển nhượng lại từ PVC-ME (Công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ ba bên giữa PVC-ME, Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận lại khoản vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND. Khoản vay có thời hạn đến ngày 03 tháng 9 năm 2015 với lãi suất trong năm 2012 là 15%/năm.

- Khoản vay của PVC-Petroland tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng số 09.102035/HĐTD-TD ngày 07/01/2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm thương mại tài chính Phú Mỹ Hưng. Thời hạn vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất tại lô đất C6-A01, phường Tân Phú, quận 7 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương bao gồm 3 khoản vay chính sau:

- Khoản vay của PVC-MT từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương theo Hợp đồng số 110/2010/HĐTD1-OCEANBANK06 ngày 29 tháng 9 năm 2010. Theo đó, hạn mức vay là 83 tỷ đồng với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hao bì tại Dung Quất, Quảng Ngãi. Lãi suất cho vay áp dụng mức 16,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 5%.

- Khoản vay của PVC-MS tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 083/HĐTD1-OCEANBANK.790-PVCMS ngày 26 tháng 6 năm 2011, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Khoản vay của PVC-ME từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0038/2010/HĐTD1-OCEANBANK07 ngày 24 tháng 8 năm 2010 cho mục đích tài trợ tín dụng dài hạn và mở L/C để thanh toán cho dự án "Đầu tư mua sắm hệ thống thiết bị phục vụ khoan cọc nhồi trên biển nhằm nâng cao năng lực thi công khoan cọc nhồi vào đá trên biển có đường kính khoan lớn", thời hạn vay 7 năm. Lãi suất trong hạn là 15%/năm. Gốc được hoàn trả 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 29. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm 2 khoản vay của PVC-Thanh Hóa:

- Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/04032010/PVFCTL-PVFCLAND và Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/HĐT-DH0403210/PVFCTL-PVFCLAND/PL02 với số tiền vay là 295.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng là để thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh thuộc khu tổ hợp Thương mại-Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số dư khoản vay này là 223.462.496.438 VND, lãi suất vay áp dụng cho năm 2012 là 21,2%/năm. Biện pháp bảo đảm là thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư để thực hiện dự án Khách sạn Lam Kinh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (toàn bộ vật tư phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất dự án Khách sạn Lam Kinh).

- Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCTL08 ngày 19 tháng 12 năm 2008 với số tiền vay là 53.248.000.000 VND. Mục đích sử dụng là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở văn phòng đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại 38A Đại lộ Lê Lợi - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số dư khoản vay này là 20.255.097.556 VND, lãi suất vay áp dụng cho năm 2012 là 22,5%/năm.

(iv) Trái phiếu phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản của PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty). Bên mua trái phiếu phát hành là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Giá trị trái phiếu được phát hành theo Hợp đồng số 026-12/HDDMTP-HCM ngày 29 tháng 2 năm 2012 phát hành là 95 tỷ VND (tương đương 95 trái phiếu, mỗi trái phiếu 1 tỷ VND). Mục đích phát hành trái phiếu là tái cơ cấu một phần khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số 233-10/HĐTD-HCM ngày 12 tháng 8 năm 2010 giữa PVC-Land và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành đầu tiên (ngày 02 tháng 3 năm 2012), ngày đáo hạn là 02 tháng 3 năm 2015. Trái phiếu này áp dụng lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, mức điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm của trái phiếu là 3.695,3 m<sup>2</sup> Quyền sử dụng đất sản xuất kinh doanh dịch vụ, khách sạn, văn phòng (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc dự án Khu văn phòng, chung cư An Phú, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh và toàn bộ tài sản trên đất hình thành trong tương lai là các căn hộ chung cư chưa bán và các công trình khác thuộc dự án Khu văn phòng, chung cư An Phú.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN****30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư		Thặng dư vốn sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cả phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển		Quý dự phòng tài chính		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		(Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2011	2.506.000.000.000	2.784.094.156	2.784.094.156	3.063.376.244	-	28.467.405.122	19.133.566.885	544.719.133	324.678.693.275	2.864.974.903.287	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(15.676.965.026)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(3.438.631.045)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	1.260.139.170	-	-	(6.543.182.595)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2012 (Trình bày lại)	2.506.000.000.000	4.044.233.326	4.044.233.326	3.063.276.244	(6.543.182.595)	(19.115.598.973)	53.675.506.824	4.028.121.130	154.659.880.080	2.755.945.543.837	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Nhận vốn góp (i)	1.375.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	19.115.598.973	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	(519.450.862)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Ảnh hưởng điều chỉnh hối lộ của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trá chi để hợp nhất thêm/ thanh lý công ty con	125.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(4.144.268.326)	-	-	-	-	64.393.806	(1.327.301.752)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-	(5.803.146)	(230.250.399)	(2.437.328.170)	(2.693.881.715)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	4.006.000.000.000	-	-	3.063.276.244	(3.694.133.407)	-	79.274.784.389	63.450.190.982	2.818.417.732	1.297.409.192.128	2.848.113.343.812	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(i) Tổng Công ty phát hành tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 23 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết số 108/NQ-XLDK ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tổng số vốn phát hành thêm là 1.500.000.000.000 VND, bao gồm:

- Vốn góp bằng tiền: 1.375.000.000.000 VND (Một nghìn ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng).
- Trá chi để hợp nhất thêm/ thanh lý công ty con: 125.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(ii) Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích là 18.989.583.862 VND;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 10.716.093.498 VND;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích là 368.348.753 VND;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích là 8.310.884.535 VND;
- Quỹ thưởng Ban quản lý được trích là 1.229.566.790 VND.

#### Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều bằng 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.331.000	54,55%	2.181.733.331.000	1.030.222.220.000
Quỹ Market Vectors ETF Trust - Market Vectors - Vietnam ETF	194.490.680.000	4,86%	203.100.680.000	125.688.180.000
Các cổ đông khác	1.623.775.990.000	40,59%	1.615.165.989.000	1.344.089.600.000
	<b>4.000.000.001.000</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>2.500.000.000.000</b>

#### Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	250.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

### 31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

#### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận Xây lắp	- xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng	- kinh doanh nhà và hạ tầng;
Bộ phận dịch vụ và khác	- cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

 Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**MÃU SỐ B 09-DN/HN**
**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	17.279.910.830.159	4.412.752.563.479	803.987.178.275	18.331.811.605.453						
Lãi từ công ty liên kết	(98.750.926.600)	-	-	(98.750.926.600)						
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-						
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	-	-						
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	12.797.473.514.990	2.207.001.073.785	544.270.110.372	13.586.359.745.909						
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	270.145.494.117						
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	-	13.856.505.240.026						

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (Trình bày lại)

	Xây lắp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Dịch vụ và khác		Loại trừ khi hợp nhất		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	12.509.819.934.158	3.698.166.289.426	1.076.035.954.989	12.923.451.355.940						
Lãi từ công ty liên kết	27.065.080.516	-	-	27.065.080.516						
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.822.552.643.393						
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	-	16.773.069.079.849						
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	8.374.312.446.461	1.827.528.816.723	524.308.550.205	8.767.056.762.138						
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.526.229.857.125						
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	-	11.293.286.619.263						



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Năm 2012

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.555.563.113.963	453.123.141.273	314.445.954.436	(853.628.069.959)	4.469.504.139.713
Giá vốn hàng bán	4.742.447.774.885	449.059.950.869	318.966.429.798	(830.466.724.157)	4.680.007.431.395
Kết quả kinh doanh bộ phận	<u>(186.884.660.922)</u>	<u>4.063.190.404</u>	<u>(4.520.475.362)</u>	<u>(23.161.345.802)</u>	<u>(210.503.291.682)</u>
Chi phí không phân bổ					<u>(1.051.984.926.089)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					<u>(1.262.488.217.771)</u>
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết					(111.859.764.350)
Lợi nhuận khác					8.588.651.380
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính					<u>(458.102.693.890)</u>
Lợi nhuận trước thuế					<u>(1.823.862.024.631)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					<u>(23.475.158.723)</u>
Lợi nhuận trong năm					<u>(1.847.337.183.354)</u>



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012  
 Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam







## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Miền Bắc	1.846.847.772.101	6.649.921.427.697
Miền Trung	200.146.358.637	927.771.317.752
Miền Nam	3.276.138.078.934	5.236.740.380.163
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	(853.628.069.959)	(3.542.513.539.131)
	<b>4.469.504.139.713</b>	<b>9.271.919.586.481</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)	31/12/2012	31/12/2011 (Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND
Miền Bắc	15.214.153.787.519	12.383.906.088.873	111.640.581.065	167.051.233.641
Miền Trung	717.332.428.149	1.522.434.544.377	2.631.657.434	128.641.096.125
Miền Nam	7.286.119.186.675	7.358.185.105.932	79.645.439.483	714.951.636.919
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	(4.263.589.893.060)	(4.491.456.659.333)	-	(20.500.522.674)
	<b>18.954.015.509.283</b>	<b>16.773.069.079.849</b>	<b>193.917.677.982</b>	<b>990.143.444.011</b>

### 32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Hoạt động xây lắp	3.708.551.869.889	7.336.920.321.958
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	453.123.141.273	1.223.042.588.050
Hoạt động dịch vụ	106.227.099.971	56.400.863.096
Hoạt động tư vấn xây dựng	6.373.586.800	22.011.109.659
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	21.845.791.093	441.694.322.200
Hoạt động khác	173.382.650.687	191.850.381.518
	<b>4.469.504.139.713</b>	<b>9.271.919.586.481</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Hoạt động xây lắp	3.918.597.876.613	6.626.786.211.520
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	449.059.950.869	988.929.522.787
Hoạt động dịch vụ	92.557.880.006	44.107.536.785
Hoạt động tư vấn xây dựng	18.974.994.225	18.748.740.437
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	12.121.325.142	405.052.972.564
Hoạt động khác	188.695.404.540	178.382.228.745
	<b>4.680.007.431.395</b>	<b>8.262.007.212.838</b>

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần	7.621.587.521	101.695.374.644
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	86.763.382.347	151.579.180.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.559.078.131	37.388.386.555
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.157.318.459	7.547.134.320
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.482.655	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.969.467.424	16.581.788.941
	<b>129.096.316.537</b>	<b>314.791.865.375</b>

**35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	475.987.230.490	306.487.481.093
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	-	4.660.550.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (*)	26.912.306.074	170.925.755.200
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(898.160.029)	(23.910.550.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.629.294.024	752.743.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.494.877.145	-
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	35.784.533.222	-
Chi phí tài chính khác	8.288.929.501	18.460.707.448
	<b>587.199.010.427</b>	<b>477.376.687.036</b>

(\*) Việc trích lập dự phòng được Tổng Công ty lập dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các công ty. Với các công ty có báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, Tổng Công ty dựa trên báo cáo tài chính trước kiểm toán. Với những công ty chưa lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.053.348.474.989	2.666.394.846.002
Chi phí nhân công	743.992.616.722	1.042.044.156.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.047.119.019	144.700.901.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.287.802.526.124	5.556.844.855.319
Chi phí dự phòng	403.553.061.472	151.156.857.690
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	584.786.607.672	1.669.266.400.835
	<b>5.320.530.405.998</b>	<b>11.230.408.017.157</b>

### 37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	(Trình bày lại) VND
(Lỗ)/ Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.823.862.024.631)	184.909.606.840
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	(24.746.547.669)	(47.947.704.088)
Chi phí không được khấu trừ năm trước chuyển sang	-	(9.239.870.595)
Cộng:		
Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	14.838.375.910	42.321.719.068
Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm	16.963.967.541	196.796.293.767
Các khoản dự phòng	127.145.717.510	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.689.660.511.339)</b>	<b>366.840.044.992</b>
- Lỗ	(1.805.333.894.800)	(246.587.250.134)
- Lãi tính thuế	115.673.383.461	613.427.295.126
Thuế suất (*)	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.918.345.865	153.356.823.782
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	9.564.090	3.665.341
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28.927.909.955</b>	<b>153.360.489.123</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(5.452.751.232)	(65.696.265.789)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>23.475.158.723</b>	<b>87.664.223.334</b>

(\*) Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	2012	2011 (Trình bày lại)
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	(1.847.337.183.354)	97.245.383.506
(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	(1.338.390.989.631)	(19.123.725.341)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	364.657.534	250.000.000
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	(3.670)	(76)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	VND	10.000	10.000

112  
ÔNG  
KHUÊ  
ELO  
ET  
DA



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 39. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh vay vốn cho các công ty con vay vốn tại các Ngân hàng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Ngân hàng, tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư Nợ quá hạn tại ngày 31/12/2012
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	67.296.557.537
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	Từ ngày 30/4/2012 đến ngày 31/12/2012	102.475.863.953
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	51.985.219.871
PVC-ME	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	14.213.086.927
PVC-IMICO	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/4/2012	99.700.000.000
PVC-MT	Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/12/2012	53.890.315.030
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	139.373.924.653
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503
<b>Tổng cộng</b>			<b>643.160.247.799</b>

Tổng Công ty cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay.

Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND và ghi nhận là khoản phải thu khác. Ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã quá hạn là khoảng 643 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản thực hiện bảo lãnh nêu trên và đã trích lập dự phòng cho các bảo lãnh quá hạn trên 6 tháng với mức trích lập là 30% với giá trị dự phòng khoảng 35,8 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng mức trích lập trên là phù hợp và Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh.

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận được Biên bản Liên ngành giữa Sở Tài chính Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường, Cục thuế và Tổng Công ty về việc rà soát chi phí liên quan cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, xác định số tiền phải thu và thông báo về thu Ngân sách Nhà nước, theo Biên bản Liên ngành này Tổng Công ty phải hoàn trả Ngân sách Nhà nước với số tiền 53.971.678.132 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất khoản công nợ phải trả nêu trên và tăng chi phí trong năm do đang tiếp tục làm việc với các ban ngành có liên quan để xác định lại nghĩa vụ công nợ. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc chưa ghi nhận công nợ do chưa ước tính được nghĩa vụ nợ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 29 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	4.156.873.050.044	4.811.008.534.861
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	736.104.188.896	784.019.160.576
Nợ thuần	3.420.768.861.148	4.026.989.374.285
Vốn chủ sở hữu	2.848.113.343.812	2.755.945.543.837
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,20	1,46

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	736.104.188.896	784.019.160.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.226.441.601.079	2.870.769.735.815
Đầu tư ngắn hạn	229.958.611.401	128.651.936.567
Đầu tư dài hạn	1.066.032.370.840	1.885.643.279.493
Các khoản ký quỹ	1.684.618.981.560	12.973.535.022
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.943.155.753.776</b>	<b>5.682.057.647.473</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	4.156.873.050.044	4.811.008.534.861
Phải trả người bán và phải trả khác	2.522.417.610.134	2.615.756.736.838
Chi phí phải trả	621.428.483.244	635.154.620.771
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.300.719.143.422</b>	<b>8.061.919.892.470</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản hàng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.110.040.008.803	49.587.523.875	2.530.716.090.251	92.800.096.360
Yên Nhật (JPY)	1.173.825.688	1.305.462.412	-	-

#### Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì (lỗ) trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ (Tiếp theo)*

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(257.932.391.855)	4.321.257.249
Yên Nhật (JPY)	(117.382.569)	(130.546.241)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ (giảm)/tăng với số tiền tương ứng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	<u>cơ bản</u>	<u>nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(60.198.647.363)
VND	(200)	60.198.647.363
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	200	(70.355.136.209)
VND	(200)	70.355.136.209

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

#### Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 41.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	736.104.188.896	-	736.104.188.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.221.085.617.210	5.355.983.869	2.226.441.601.079
Đầu tư tài chính	229.958.611.401	1.066.032.370.840	1.295.990.982.241
Các khoản kỳ quỹ	1.684.618.981.560	-	1.684.618.981.560
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.871.767.399.067</b>	<b>1.071.388.354.709</b>	<b>5.943.155.753.776</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	2.522.417.610.134	-	2.522.417.610.134
Chi phí phải trả	621.428.483.244	-	621.428.483.244
Các khoản vay	2.657.865.125.504	1.271.293.160.443	3.929.158.285.947
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	30.880.536.140	196.834.227.957	227.714.764.097
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.832.591.755.022</b>	<b>1.468.127.388.400</b>	<b>7.300.719.143.422</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(960.824.355.955)</b>	<b>(396.739.033.691)</b>	<b>(1.357.563.389.646)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	784.019.160.576	-	784.019.160.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.865.403.058.611	5.366.677.204	2.870.769.735.815
Đầu tư tài chính	128.651.936.567	1.885.643.279.493	2.014.295.216.060
Các khoản ký quỹ	12.973.535.022	-	12.973.535.022
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.791.047.690.776</b>	<b>1.891.009.956.697</b>	<b>5.682.057.647.473</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	2.615.756.736.838	-	2.615.756.736.838
Chi phí phải trả	635.154.620.771	-	635.154.620.771
Các khoản vay	3.343.678.059.636	1.347.146.092.473	4.690.824.152.109
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	23.970.945.608	96.213.437.144	120.184.382.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.618.560.362.853</b>	<b>1.443.359.529.617</b>	<b>8.061.919.892.470</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.827.512.672.077)</b>	<b>447.650.427.080</b>	<b>(2.379.862.244.997)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có tập trung rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.278.698.514.382	3.980.023.313.639

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	5.779.506.854	8.556.583.112





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	10.400.177.569
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	262.429.704.861	318.745.705.820
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ứng trước	782.906.701	782.906.701
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	5.337.833.293.900	1.532.060.676.141
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.642.097.554	883.484.853
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	128.130.321.968	32.736.410.278
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.288.278.489	7.614.504.649
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2.008.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	133.088.891.446	67.402.462.286
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	228.847.366.691	233.142.660.824
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.249.408.554	288.481.187.490
<b>Các khoản vay:</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Dương (Ocean Bank)		
- Vay ngắn hạn	1.146.940.681.902	1.293.251.724.400
- Vay dài hạn	424.516.846.164	561.277.276.373
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- Vay ngắn hạn	245.069.108.470	262.082.005.203
- Vay dài hạn	258.496.035.819	226.423.178.755

### 42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Theo Công văn số 3405/DKVN-HĐTĐ ngày 04 tháng 5 năm 2012 của PVN trình Thủ tướng chính phủ về việc xử lý các phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC-Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Nhà thầu chưa lường hết các rủi ro, phần việc phát sinh ngoài giá trị hợp đồng đã ký dự kiến khoảng 1.121 tỷ VND, giá trị Nhà thầu kiến nghị giải quyết là 1.042 tỷ VND và giá trị Ban QLDA kiến nghị giải quyết là 735 tỷ VND. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 31 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt, dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Theo hướng dẫn tại Công văn số 9650/DKVN-XD ngày 12 tháng 12 năm 2012 về “phương án xác định các phát sinh chưa lường hết của hợp đồng EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”, Tổng Công ty đã trình Công văn số 409/XLTK-KTĐT ngày 31 tháng 01 năm 2013 gửi cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về “bóc tách khối lượng và lập giá trị các hạng mục do PVC thi công tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1”. Theo đó, Tổng Công ty đề nghị Tập đoàn xem xét điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án và xử lý các phát sinh chưa lường hết của dự án với tổng giá trị đề nghị xem xét điều chỉnh tăng thêm là khoảng 1.313 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty, theo đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận bất cứ khoản lỗ tiềm tàng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

**43. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận được Biên bản Liên ngành giữa Sở Tài chính Hà Nội, Sở Tài nguyên Môi trường, Cục thuế và Tổng Công ty về việc rà soát chi phí liên quan cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, xác định số tiền phải thu và thông báo về thu Ngân sách Nhà nước, theo Biên bản Liên ngành này, Tổng Công ty phải hoàn trả Ngân sách Nhà nước với số tiền 53.971.678.132 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất khoản công nợ phải trả nêu trên và đối ứng vào chi phí trong năm do đang tiếp tục làm việc với các ban ngành có liên quan để xác định lại nghĩa vụ công nợ.

Ngày 20 tháng 3 năm 2013, Hội đồng quản trị của PVC-Mekong (Công ty con của Tổng công ty) có Nghị quyết số 02/NQ-ĐTĐK thống nhất phê duyệt phương án chuyển nhượng dự án Bạc Liêu Tower theo hình thức đấu giá công khai để cân bằng tình hình tài chính của Công ty. Giá bán khởi điểm của Bạc Liêu Tower được phê duyệt theo giá trị thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định – Giám định Cửu Long là 201.862.283.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**44. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

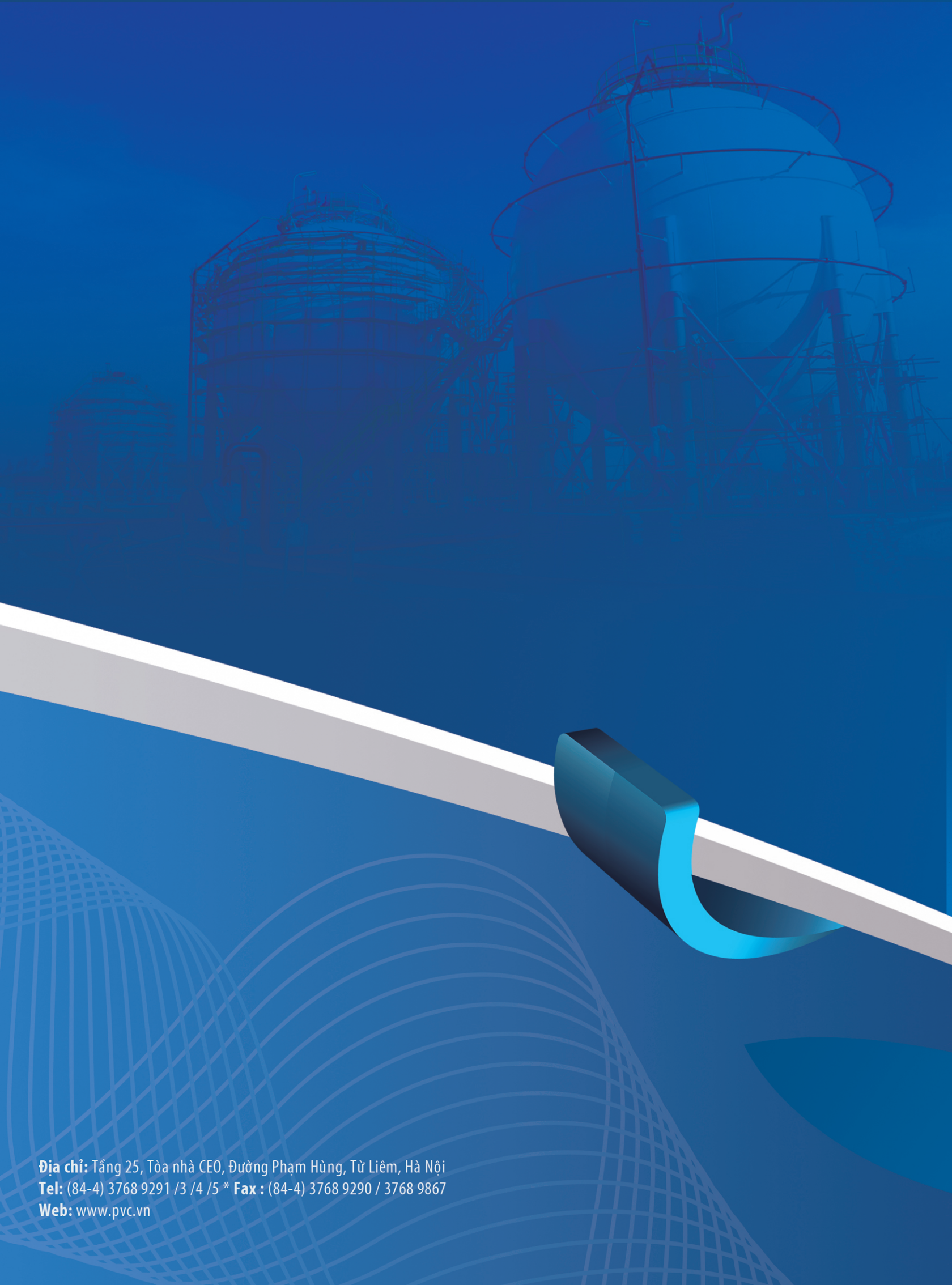
Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Bùi Hoàng Giang**  
Người lập

*Ngày 30 tháng 3 năm 2013*

**Phạm Tiên Đạt**  
Kế toán trưởng

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Tổng Giám đốc*  
**Đào Ngọc Hưng**



**Địa chỉ:** Tầng 25, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội  
**Tel:** (84-4) 3768 9291 / 3 / 4 / 5 \* **Fax :** (84-4) 3768 9290 / 3768 9867  
**Web:** [www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)